

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03/10/2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hôn;

Ông Từ Ngọc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 603/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê PT, sinh năm 1975 (có mặt)

Trú tại: Số S, ấp T, xã TM, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: Số S, ấp T, xã TM, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê PT trình bày: Chị T và anh P kết hôn vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 088 ngày 02/8/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến khoảng hai năm gần đây thì anh P thường ghen tuông vô cớ, thường cự cãi làm chị T không yên và các con chị bị ảnh hưởng nhiều. Từ đó, chị T và anh P đã ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy giữa chị và anh P không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

- Về con chung: Chị T trình bày, chị T và anh P có 03 con chung tên Nguyễn TT - sinh ngày 20/5/2008, Nguyễn PP – sinh ngày 12/01/2010; Nguyễn PH – sinh ngày

04/6/1999; khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là cháu PP và cháu PH và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu TT đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T trình bày là không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn. Anh P thừa nhận có ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn thì anh P thống nhất với lời trình bày của chị T về các vấn đề nuôi dưỡng con chung, tài sản và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị T và anh P là quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét, chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/1999 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh P. Chị T trình bày, từ năm 2017, vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P nghi ngờ chị T không chung thủy, ghen tuông vô cớ; mâu thuẫn kéo dài làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị T nên chị T đã ra ngoài thuê nhà sống ly thân với anh P hơn 01 năm nay; và hiện tại thì chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh P nữa.

Về phía anh P, anh P thừa nhận mâu thuẫn chính của vợ chồng như lời chị T trình bày, thừa nhận việc nghi ngờ chị T không chung thủy là sai nhưng không thể hiện được PT hức sẽ khắc phục mâu thuẫn chung về sau như thế nào, chứng tỏ thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng của anh P chưa cao; Mặc khác, chị T xác định không còn thương yêu anh P, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P.

Về con chung, tại phiên tòa anh P và chị T cùng thống nhất: Anh chị có ba con chung tên: Nguyễn TT - sinh ngày 20/5/2008, Nguyễn PP – sinh ngày 12/01/2010; Nguyễn PH – sinh ngày 04/6/1999; khi ly hôn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu PP và cháu PH và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu TT đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên anh P và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc anh chị cùng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, anh P và chị T cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: anh P và chị T đều khai thống nhất là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho: Thẩm phán đã thực hiện đúng các qui định pháp luật trong quá trình thực hiện giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê PT.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê PT được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

- Về con chung: Để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn TT - sinh ngày 20/5/2008 và Nguyễn PP – sinh ngày 12/01/2010; Anh P tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với Nguyễn PH – sinh ngày 04/6/1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động được, anh P và chị T không ai yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000287 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; như vậy chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã L, H.C;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đỗ Thị Minh Nguyệt